

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ DỊCH VỤ GIA PHÚC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ DỊCH VỤ GIA PHÚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GIA PHUC INVESTMENT DEVELOPMENT AND SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GIAPHUC INVEST CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108774827

**3. Ngày thành lập:** 06/06/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 227 Âu Cơ , Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                               | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt         | 1010     |
| 2.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản | 1020     |
| 3.  | Chế biến và bảo quản rau quả                            | 1030     |
| 4.  | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột           | 1062     |
| 5.  | Sản xuất các loại bánh từ bột                           | 1071     |
| 6.  | Sản xuất đường                                          | 1072     |
| 7.  | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                     | 1073     |
| 8.  | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự            | 1074     |
| 9.  | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                   | 1075     |
| 10. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu          | 1079     |
| 11. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                 | 1104     |
| 12. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ          | 4631     |
| 13. | Bán buôn thực phẩm                                      | 4632     |
| 14. | Bán buôn đồ uống                                        | 4633     |
| 15. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                    | 4641     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn thuốc và dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649        |
| 17. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4711        |
| 18. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4719        |
| 19. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4721        |
| 20. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4722        |
| 21. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4723        |
| 22. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4753        |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                | 4759        |
| 24. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4772        |
| 25. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4773        |
| 26. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4781        |
| 27. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4791        |
| 28. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4799        |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics<br>Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;                                                                                                                                                                                                    | 5229        |
| 30. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5510(Chính) |
| 31. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5590        |
| 32. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5610        |
| 33. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5621        |

|     |                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                    | 5629 |
| 35. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                 | 5630 |
| 36. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                            | 6820 |
| 37. | Đại lý du lịch                                                                                                                          | 7911 |
| 38. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                   | 7912 |
| 39. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                     | 7990 |
| 40. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(trừ hợp báo)                                                                              | 8230 |
| 41. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                        | 8292 |
| 42. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN THỊ VÂN ANH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 11/11/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001186002072

Ngày cấp: 01/10/2014

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 6 xóm Hạ Hồi, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 70 Lô D3B4 Biệt thự Vườn Đào, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ VÂN ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/11/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001186002072

Ngày cấp: 01/10/2014

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 6 xóm Hạ Hồi, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 70 Lô D3B4 Biệt thự Vườn Đào, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

Thời gian đăng từ ngày 06/06/2019 đến ngày 06/07/2019

